

Số 286/QĐ - ĐHTV

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo Đại học
Chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG ƯƠNG

- Căn cứ Quyết định số 700/QĐ - TTg ngày 18/05/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trung Ương;
- Căn cứ vào Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Trung Ương số 124A/ĐHTV ngày 03/6/2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Trung Ương;
- Căn cứ Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 292/QĐ-ĐHTV ngày 26/07/2018 của Trường Đại học Trung Ương;
- Căn cứ vào Quyết định số 4046/QĐ-BGDĐT ngày 16/9/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao Trường Đại học Trung Ương đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Quản trị Kinh doanh;
- Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-ĐHTV ngày 23/7/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Trung Ương về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh.
- Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình Đào tạo, xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục Đại học;
- Căn cứ vào Biên bản cuộc họp Hội đồng chỉnh sửa chương trình Đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh ngày 06 tháng 09 năm 2021;
- Theo đề nghị của Trưởng Khoa Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Đại học chính Quy ngành Quản trị Kinh doanh trên cơ sở chỉnh sửa chương trình Đào tạo ban hành theo Quyết định số 279/QĐ-ĐHTV ngày 23/07/2018.

Chương trình đào tạo chính quy ngành Quản trị Kinh doanh được sử dụng để đào tạo hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, đào tạo liên thông ngành Quản trị Kinh doanh của Trường Đại học Trung Ương.

2. Thời gian đào tạo: 04 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục an ninh quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo: Theo hệ thống tín chỉ.

Thực hiện qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng chứng chỉ khi hội đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 27&28 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sinh viên phải tích lũy đủ 130 TC (không kể các môn GDTC và GDQP) theo khung chương trình đào tạo.

6. Thang điểm:

Thang điểm 10, sau đó qui đổi ra thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quyết định 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình:

Chương trình được bố trí theo tín chỉ, mỗi tín chỉ được bố trí 15 tiết, 1 tiết lý thuyết bằng 50 phút, bằng 2 tiết thực hành.

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	37
7.1.1	Lý luận chính trị	11
7.1.2	Ngoại ngữ	6
7.1.3	Khối kiến thức khoa học cơ bản theo ngành và lĩnh vực	20
7.2	Khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành	73
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	49
7.2.2	Kiến thức chuyên ngành	24
7.3	Thực tập và thi tốt nghiệp	14
7.3.1	Thực tập	5
7.3.2	Khóa luận tốt nghiệp	9
7.4	Kiến thức bổ trợ và tự chọn	6
Tổng cộng		130

Các học phần cụ thể

I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG

TT No.	Mã HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects (Điều chỉnh)	SỐ TC Credits (mới)	KỶ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule							
				1	2	3	4	5	6	7	8
GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG General Education			37	0	0	0	0	0	0	0	0
Lý luận chính trị Political theory			11								
1	MCCB1004	Kinh tế chính trị Political Economy	2(2-1-0-4)		2						
2	MCCB1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh HoChiMinh Theory	2(2-1-0-4)			2					
3	MCCB1002	Triết học Mác Lênin Philosophy Marxism- Leninism	3(2-2-0-6)	3							
4	MCCB1003	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Science socialism	2(2-1-0-4)		2						
5	MCCB1001	Lịch sử Đảng History of the Communist Party of Vietnam	2(2-1-0-4)				2				
Giáo dục thể chất/Physical Education			5								
Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Chứng chỉ) Military Education (Certificate)											
Ngoại ngữ/English			6								
6	MCCB1011	Tiếng Anh I/ English I	3(0-6-0-6)		3						
7	MCCB1012	Tiếng Anh II/ English II	3(0-6-0-6)			3					
Khối kiến thức Toán và Khoa học cơ bản theo ngành và lĩnh vực Mathematics and Sciences			20								
8	CSBA0059	Toán cao cấp Advanced math	2(2-1-0-4)	2							
9	CSBA0054	Nguyên lý thống kê Statistical principles	2(2-1-0-4)	2							
10	MCCB1014	Tin học đại cương Introduction to Information Technology	2(1-0-2-4)	2							
11	CSBA0055	Kinh tế học vi mô Principles of Microeconomics	3(3-1-0-6)	3							
12	CSBA0056	Kinh tế học vĩ mô Principles of Microeconomics	3(3-1-0-6)		3						
13	CSBA0057	Mô hình toán Kinh tế Mathematical Models of Economics	2(2-1-0-4)				2				
14	CSBA0060	Tin học kinh tế (Tin học ứng dụng) Introduction to Applied Computing for Economics and Business	2(1-0-2-4)			2					

TT No.	MÃ HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects (Điều chỉnh)	SỐ TC Credits (mới)	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule							
				1	2	3	4	5	6	7	8
15	CSBA0053	Xác suất thống kê Probabilities and Statistics	2(1-0-2-4)		2						
16	CSBA0058	Toán Kinh tế Economical maths	2(1-0-2-4)			2					

II. KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH

TT No.	Mã HP Course ID	Tên Học Phần Subjects	Số TC Credits	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule							
				1	2	3	4	5	6	7	8
CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH Major Requirements			49	0	0	0	0	0	0	0	0
1	CSBA0001	Quản trị học School of Management	2(1-2-0-4)				2				
2	CSBA0002	Kinh tế quốc tế International Economics	2(2-1-0-4)			2					
3	CSBA0003	Khoa học Quản lý Management Science	2(2-1-0-4)			2					
4	CSBA1001	Marketing Thương mại điện tử E-commerce Marketing	2(2-1-0-4)			2					
5	CNEL0050	Pháp luật Thương mại điện tử Law on E-commerce	2(2-1-0-4)	2							
6	CSBA0005	Kinh tế lượng Econometric	2(2-1-0-4)				2				
7	CNBA0035	Quản trị tác nghiệp Thương mại điện tử E-Commerce Operations Management	2(2-2-0-6)					2			
8	CSBA0007	Quản trị nhân lực Human Resource Management	3(3-1-0-6)					3			
9	CSBA0009	Quản trị tri thức công nghệ và sáng tạo Technology and creative knowledge management	2(2-1-0-4)					2			
10	CSBA1003	Kỹ năng truyền thông kinh doanh online Online business communication skills	2(2-1-0-4)					2			
11	CSBA1004	Quản trị Khách hàng thương mại điện tử E-commerce Customer Management	2(2-1-0-4)					2			
12	CSBA0011	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	3(3-1-0-6)		3						
13	CSBA0012	Tài chính doanh nghiệp Fundamentals of Financial Management	3(3-1-0-6)				3				

TT No.	MÃ HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects	SỐ TC Credits	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule							
				1	2	3	4	5	6	7	8
14	CSBA1005	Quản trị cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng <i>Database Administration and Application Software</i>	2(2-1-0-4)						2		
15	CSBA1006	Hệ thống thông tin Quản trị Thương mại điện tử <i>E-commerce management information system</i>	2(2-1-0-4)						2		
16	CSBA0015	Quản trị chiến lược <i>Strategy Management</i>	3(2-2-0-6)						2		
17	CSBA0016	Lý thuyết tài chính tiền tệ <i>Financial and monetary theory</i>	3(2-2-0-6)				3				
18	CSBA1007	Kỹ năng phân tích và lập báo cáo nghiên cứu trắc nghiệm thị trường kinh doanh <i>Ability to analyze and prepare business market research reports</i>	2(2-1-0-4)						2		
19	CNBA0041	Văn hóa doanh nghiệp và giao tiếp đa Văn hóa <i>Corporate culture and cross-cultural communication</i>	2(2-1-0-4)						2		
20	CSBA0019	Tiếng Anh chuyên ngành 1 <i>English for Business Administration 1</i>	3(0-6-0-6)				3				
21	CSBA0020	Tiếng Anh chuyên ngành 2 <i>English for Business Administration 2</i>	3(0-6-0-6)					3			

III. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

TT No.	MÃ HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects	SỐ TC Credits	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule							
ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH											
THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ			24	0	0	0	0	0	0	0	
1	CNBA1008	An toàn dữ liệu trong Thương mại điện tử <i>Data security in e-commerce</i>	2(2-1-0-4)					2			
2	CNBA1009	Kỹ năng điều tra và chia sẻ thông tin online <i>Online investigation and information sharing skills</i>	2(2-1-0-4)						2		
3	CNBA1010	Các xu hướng ứng dụng mới trong Thương mại điện tử <i>New application trends in e-commerce</i>	2(2-1-0-4)						2		
4	CNBA0026	Thương mại điện tử căn bản <i>Basic e-commerce</i>	2(2-1-0-4)						2		

TT No.	MÃ HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects	SỐ TC Credits	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule							
5	CNBA1011	Mạng truyền thông Communication network	2(2-1-0-4)							2	
6	CNBA1012	Kỹ năng sử dụng phần mềm SPSS Skills in using SPSS software	2(2-1-0-4)						2		
7	CNBA1013	Môi trường và chiến lược Thương mại điện tử của doanh nghiệp Business environment and e- commerce strategy	2(2-1-0-4)							2	
8	CNBA1014	Thiết kế và triển khai website Website design and implementation	2(2-1-0-4)						2		
9	CNBA1015	Logistics Kinh doanh Thương mại điện tử E-commerce Business Logistics	2(2-1-0-4)							2	
10	CNBA0034	Thanh toán trong Thương mại điện tử Payment in E-commerce	2(2-1-0-4)						2		
11	CNBA1016	Thực hành quản trị tác nghiệp Practice business management	2(2-1-0-4)							2	
12	CNBA1017	Công nghệ bảo mật và chữ ký điện tử Security technology and electronic signatures	2(2-1-0-4)							2	

IV. THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN

TT No.	MÃ HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects	SỐ TC Credits	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule							
THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP Graduation Internship and Thesis			14	0	0	0	0	0	0	0	0
1	BCBA0045	Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	5(0-0-12-20)								5
2	BCBA0046	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	9(0-0-12-36)								9

V. KIẾN THỨC BỔ TRỢ TỰ CHỌN

TT No.	MÃ HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects	SỐ TC Credits	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule							
KIẾN THỨC BỔ TRỢ (Chọn 6/15) Competency Electives			6	0	0	0	0	0	0	0	0
1	CSBA0047	Kỹ năng mềm Soft Skill	2(1-2-0-2)								
2	CSBA0048	Tâm lý học ứng dụng Applied Psychology	2(1-2-0-2)								
3	CSBA0001	Quản trị học đại cương Introduction to Management	2(2-1-0-4)								
4	CSBA0049	Văn hóa kinh doanh và tinh thần khởi nghiệp/ Business Culture and Entrepreneurship	2(2-1-0-4)								

TT No.	MÃ HP Course ID	TÊN HỌC PHẦN Subjects	SỐ TC Credits	KỲ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN Typical Schedule							
5	CSBA0050	Technical Writing and Presentation	3(2-2-0-6)								
6	CSBA0051	Tư duy công nghệ và thiết kế kỹ thuật/ <i>Technology and Technical Design Thinking</i>	2(1-2-0-4)								
7	CSBA0052	Thiết kế mỹ thuật công nghiệp <i>Industrial Design</i>	2(1-2-0-4)								
8	CSBA2013	Sản xuất và chỉnh sửa Video <i>Video Production and Editing</i>	2(1-2-0-4)								
9	CSBA2014	Viết và biên tập cho Truyền thông <i>Writing and Editing for Media</i>	2(1-2-0-4)								
10	CSBA2015	Chụp ảnh và photoshop <i>Photography and Photoshop</i>	2(1-2-0-4)								
11	CSBA2016	Hội họa và thiết kế tư liệu <i>Marketing & Branding Painting and designing Marketing & Branding materials</i>	2(1-2-0-4)								
11	CSBA2017	Quản trị kiến trúc và công nghệ cơ khí xây dựng <i>Architectural management and construction mechanical technology</i>	2(1-2-0-4)								
12	CSBA2018	Thực hành hệ điều hành mạng <i>Network operating system practice</i>	2(1-2-0-4)								
13	CSBA2019	Đồ họa thương mại điện tử <i>E-commerce graphics</i>	2(1-2-0-4)								
14	CNBA0044	Dự án thiết kế sản phẩm dịch vụ <i>Product and service design project</i>	2(1-2-0-4)								
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			130	16	17	17	17	16	17	16	14

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến, nếu có sự thay đổi, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể sau)

HỌC KỲ I				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
1	MCCB1002	Triết học Mác - Lênin	3	
2	CNEL0050	Pháp luật Thương mại điện tử	2	
3	CSBA0059	Toán cao cấp	2	
4	CSBA0054	Nguyên lý thống kê	2	
5	MCCB1014	Tin học đại cương	2	
6	CSBA0055	Kinh tế học vi mô	3	
7		Tự chọn:	2	
TỔNG			16	
HỌC KỲ II				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	MCCB1004	Kinh tế chính trị	2	
2	MCCB1005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

3	MCCB1011	Tiếng anh 1	3	
4	CSBA0011	Nguyên lý kế toán	3	
5	CSBA0056	Kinh tế học vĩ mô	3	
6	CSBA0053	Xác suất thống kê	2	
7		Tự chọn:	2	
TỔNG			17	
HỌC KỲ III				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	MCCB1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	CSBA0058	Toán kinh tế	2	
3	CSBA0002	Kinh tế quốc tế	2	
4	CSBA0003	Khoa học quản lý	2	
5	CSBA1001	Marketing thương mại điện tử	2	
6	MCCB1012	Tiếng anh 2	3	
7	CSBA0060	Tin học kinh tế (tin học ứng dụng)	2	
8		Tự chọn:	2	
TỔNG			17	
HỌC KỲ IV				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	MCCB1001	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
2	CSBA0001	Quản trị học	2	
3	CSBA0057	Mô hình toán kinh tế	2	
4	CSBA0005	Kinh tế lượng	2	
5	CSBA0019	Tiếng anh chuyên ngành 1	3	
6	CSBA0016	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	
7	CSBA0012	Tài chính doanh nghiệp	3	
TỔNG			17	
HỌC KỲ V				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	CSBA0020	Tiếng anh chuyên ngành 2	3	
2	CSBA0035	Quản trị tác nghiệp và TMDT	2	
3	CSBA0007	Quản trị nhân lực	3	
4	CSBA0009	Quản trị tri thức công nghệ và sáng tạo	2	
5	CSBA1003	Kỹ năng truyền thông kinh doanh online	2	
6	CSBA1004	Quản trị khách hàng thương mại điện tử	2	
7	CNNBA1008	An toàn dữ liệu trong Thương mại điện tử	2	
TỔNG			16	
HỌC KỲ VI				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	CSBA1006	Hệ thống thông tin Quản trị Thương mại điện tử	2	
2	CSBA1015	Quản trị chiến lược	3	
3	CSBA0041	Văn hóa doanh nghiệp và giao tiếp đa văn hóa	2	
4	CSBA1005	Quản trị cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng	2	

5	CSBA1007	Kỹ năng phân tích và lập báo cáo nghiên cứu trắc nghiệm thị trường kinh doanh	2	
6	CNBA1012	Kỹ năng sử dụng phần mềm SPSS	2	
7	CNBA1014	Thiết kế và triển khai website	2	
8	CNBA0034	Thanh toán trong TMĐT	2	
TỔNG			17	
HỌC KỲ VII				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	CNBA1009	Kỹ năng điều tra và chia sẻ thông tin online	2	
2	CNBA1010	Các xu hướng ứng dụng mới trong TMĐT	2	
3	CNBA0026	Thương mại điện tử căn bản	2	
4	CNBA1011	Mạng truyền thông	2	
5	CNBA1013	Môi trường và chiến lược thương mại điện tử của doanh nghiệp	2	
6	CNBA1015	Logistics Kinh doanh TMĐT	2	
7	CNBA1016	Thực hành quản trị tác nghiệp	2	
8	CNBA1017	Công nghệ bảo mật và chữ ký điện tử	2	
TỔNG			16	
HỌC KỲ VIII				
STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	
1	BCBA0045	Thực tập tốt nghiệp	5	
2	BCBA0046	Khóa luận tốt nghiệp	9	
TỔNG			14	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			130	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học phần tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần tự chọn.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học Irloin và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận môn học, giảng viên lựa chọn các Phương pháp giảng dạy phù hợp với tính chất và yêu cầu của môn học; hướng dẫn CLICO luận, giải quyết các bài tập tình huống tại lớp và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình, giáo trình, bài giảng trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp theo quy định hiện hành.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.

- Tích cực khai thác các tài liệu trên mạng và trong thư viện của Trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm báo cáo tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá học phần theo quy định của nhà trường.

9.4. Kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá đối với học phần lý thuyết bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm thi giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số 70%, điểm chuyên cần 10%, điểm kiểm tra giữa học phần là 20%.



TS. Nguyễn Huy Oanh